

Phụ lục:

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ XÉT NGHIỆM NĂM 2024

STT	Tên hàng hoá	Qui cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Que tăm bông cán gỗ tiệt trùng	Bọc/1que	Que	3000	
2	Đĩa petry tiệt trùng Ø60mm	20 cái/gói	Cái	2000	
3	Đĩa petry tiệt trùng Ø90mm	20 cái/gói	Cái	2000	
4	Que cấy nhựa trong tiệt trùng đầu vòng và đầu thẳng	25 que/gói	Gói	600	
5	Muỗng inox 2 đầu	Đầu tròn,đẹp	Cái	10	
6	Cọ rửa đuôi chồn nhỏ (rửa ống nghiệm Ø 18mm)	ĐK18mm	Cây	20	
7	Cọ rửa đuôi chồn loại lớn	ĐK 50mm	Cây	10	
8	Nhíp Inox mũi nhọn	14cm	Cây	40	
9	Màng lọc ADVANTEC Ø 0,45 µm tiệt trùng	100 cái/hộp	Hộp	10	
10	Màng lọc cellulose Ø 0,45 µm không tiệt trùng	100 cái/hộp	Hộp	3	
11	Găng tay không bột size S	50 đôi/hộp	hộp	33	
12	Boa 3 chia	3 valves	Cái	5	
13	Bình tia nhựa	500ml	Cái	5	
14	Lọ đựng phân chuyên dụng có chất bảo quản	50ml	Cái	1,000	
15	Lọ nhựa đựng nước tiểu	50ml	Cái	1,000	
16	Băng cá nhân	Hộp/100 miếng	Hộp	5	
17	Cốc thủy tinh loại 500ml	500ml	Cái	10	
18	Bình định mức 100 ml	2 cái/hộp	Cái	10	
19	Pipet bầu 10 ml	Bầu 10ml	Cái	5	
20	Pipet bầu 05 ml	Bầu 5ml	Cái	5	
21	Pipet bầu 04 ml	Bầu 4ml	Cái	5	

22	Pipet bầu 03 ml	Bầu 3ml	Cái	5	
23	Pipet bầu 02 ml	Bầu 2ml	Cái	5	
24	Đũa thủy tinh	4 tác	Cái	5	
25	Ống nghiệm chứa chất chống đông heparin	Vĩ 100 ống	Ống	1000	
26	Ống nghiệm chứa chất chống đông EDTA	Hộp/100 ống	Ống	400	
27	Ống nghiệm nắp đỏ Serum	100 ống/ Hộp	Ống	1000	
28	Cá từ 5 cm	50x8mm	Con	10	
29	Lamelle,22x22 mm, 100pcs x10 box	Hộp	Hộp	20	
30	Khẩu trang than (chống độc)	Hộp/10 cái	Cái	100	
31	Lam kính nhám 7105	Hộp	Hộp	20	
32	Hộp an toàn nhựa 6,8l nhựa	25 hộp/ bao	Hộp	150	
33	Gòn viên	Bịch/ 500g	Bịch	10	
34	Chổi cước rửa ống đong 30 cm	Cái	Cái	20	
35	Muỗng múc hóa chất 2 đầu	Cái	Cái	5	
36	Bơm kim tiêm 3ml	25Gx1’’	Ống	15,000	
37	Bơm kim tiêm 5ml	25Gx1’’	Ống	500	
38	Gòn thấm	bọc/1kg	Kg	15	
39	Gạc Y tế	5x6.5	Bịch	50	
40	Nước muối sinh lý	chai 1L	Chai	50	
41	Povidine 20ml	20ml	Chai	50	
42	Oxy già	60ml	Chai	20	
43	Băng keo lỵ	2.5 x5	Cuộn	50	